

TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2023/DS - ST

Ngày: 24/4/2023

V/v: “tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản và nợ hụi và mua bán tài
sản”

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Thanh Vũ

Các Hội thẩm N dân: 1. Ông Lê Văn Hoàng

2. Ông Nguyễn Huy Khoa

- **Thư ký phiên tòa:** ông Phạm Văn Hoàng - Thư ký của Tòa án N dân huyện Đ.

- **Đại diện viện kiểm sát N dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** ông Phạm Văn Bảng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án N dân huyện Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2023/TB-TLVA ngày 03 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản và nợ hụi và mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1988

Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1987

Địa chỉ: thôn NH, xã NG, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Ông Nguyễn Hữu N, bà Lê Thị Thanh T ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị Quỳnh M; địa chỉ: 372B QL20, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 13/3/2023;

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Hữu N, bà Lê Thị Thanh T có luật sư Nguyễn Văn H, sinh năm 1987, Công ty Luật TNHH HĐ, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh;

2. *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị Cẩm T; Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng;

Ông Đỗ Văn H; địa chỉ: thôn Đại Ninh, xã NG, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(ông H, bà M, ông H có mặt; bà T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Quỳnh M trình bày: vợ chồng bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Đỗ Văn H (sau đây gọi tắt là bà T, ông H) thông qua việc quen biết, vì là hàng xóm với vợ chồng nguyên đơn, nên bà T, ông H đã lợi dụng lòng tin của vợ chồng nguyên đơn để vay nợ tiền, mua phân bón nợ tiền của vợ chồng nguyên đơn nhiều lần, cũng như mời chào để vợ chồng ông tham gia đóng tiền huê (hụi) để nhằm chiếm đoạt tài sản của vợ chồng nguyên đơn.

Trong những lần bà Cẩm T, ông H đến vay tiền, mua phân bón nợ và nhận tiền huê (hụi), bà T đều tự tay viết và ký tên đầy đủ vào sổ nợ. Lãi suất tiền vay và mua bán phân bón, hai bên thỏa thuận là 15%/năm.

Tổng số lần vay, nợ như sau:

Đợt vay	Số tiền	Ngày vay nợ	Hình thức thanh toán
Đợt 1	250.000.000đ	17/01/2019	Mượn nợ bằng tiền mặt.
Đợt 2	200.000.000đ	27/01/2019	Mượn nợ bằng tiền mặt.
Đợt 3	50.000.000đ	22/12/2019	Mượn nợ bằng tiền mặt.
Đợt 4	100.000.000đ	04/01/2020	Mượn nợ bằng tiền mặt.
Đợt 5	28.000.000đ	24/02/2020	Mua phân bón nợ tiền
Đợt 6	25.900.000đ	11/04/2019	Mua phân bón nợ tiền
Đợt 7	200.000.000đ	21/06/2020	Mượn nợ bằng tiền

			mặt.
Tổng cộng 07 lần số tiền vay nợ: 853.900.000đ <i>(bằng chữ: tám trăm năm mươi ba triệu chín trăm ngàn đồng).</i>			

Tổng số lần bà T đến nhà nguyên đơn thu tiền huê (hụi) như sau:

Đợt đóng huê (hụi)	Số tiền	Ngày bà T đến thu huê	Hình thức thanh toán
Đợt 1	4.000.000	Ngày 10/11/2019 âm lịch (tức ngày 5/12/2019 dương lịch)	Bà T thu tiền mặt từ bà T.
Đợt 2	3.900.000	Ngày 10/12/2019 âm lịch (tức ngày 4/1/2020 dương lịch)	Bà T thu tiền mặt từ bà T.
Đợt 3	3.900.000	Ngày 10/1/2020 âm lịch (tức ngày 3/2/2020 dương lịch)	Bà T thu tiền mặt từ ông N.
Đợt 4	3.900.000	Ngày 10/2/2020 âm lịch (tức ngày 3/3/2020 dương lịch)	Bà T thu tiền mặt từ bà T.
Đợt 5	3.850.000	Ngày 10/3/2020 âm lịch (tức ngày 2/4/2020 dương lịch)	Bà T thu tiền mặt từ ông N.
Đợt 6	3.850.000	Ngày 10/4/2020 âm lịch (tức ngày dương lịch)	Bà T thu tiền mặt từ ông N.
Đợt 7	3.850.000	Ngày 10/4/2020 âm lịch (tức ngày 2/5/2020 dương lịch)	Bà T thu tiền mặt từ bà T.
Đợt 8	4.000.000	30/03/2020 (âm lịch – tức 22/04/2020 dương lịch)	Bà T thu tiền mặt từ ông N.
Đợt 9	3.900.000	30/04/2020 (âm lịch – tức 30/05/2020 dương lịch)	Bà T thu tiền mặt từ bà T.

Đợt 10	3.800.000	30/04/2020 (âm lịch – tức 30/05/2020 dương lịch)	Bà T thu tiền mặt từ bà T.
Tổng cộng 10 đợt: 38.900.000đ – bằng chữ: ba mươi tám triệu chín trăm ngàn đồng			

Như vậy, tổng cộng vợ chồng bà T, ông H đang nợ vợ chồng nguyên đơn là: **853.900.000đ** vay nợ + **38.900.000đ** đóng huê (hụi) = **892.800.000đ** (bằng chữ: **tám trăm chín mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng**). Tất cả các lần nhận tiền trên bà T đều tự viết và ký nhận xác nhận đã nhận đủ tiền tại sổ nợ của vợ chồng nguyên đơn.

Đề nghị Tòa án Nhân dân huyện Đông tỉnh Lâm Đồng buộc bà T, ông H trả lại cho vợ chồng ông N, bà T số tiền gốc **892.800.000đ** (bằng chữ: **tám trăm chín mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng**) và lãi suất chậm trả cho đến ngày cơ quan có thẩm quyền ra quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật (bao gồm: lãi suất 15%/năm đối với khoản vay, nợ và lãi suất 20%/năm đối với khoản tiền thu huê, hụi), tạm tính như sau

- Đối với tiền lãi, tiền chậm trả nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn lãi suất chậm trả cho đến ngày cơ quan có thẩm quyền ra quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật (bao gồm: lãi suất 15%/năm đối với khoản vay và mua bán phân bón; nợ và lãi suất 20%/năm đối với khoản tiền thu huê, hụi).

- Đối với khoản vay và mua bán phân bón, nợ **853.900.000đ** đồng, yêu cầu lãi suất 15%/năm:

Đợt vay	Số tiền vay nợ	Ngày vay, nợ	Số tháng vay, nợ (làm tròn)	Tiền lãi tính đến ngày giải quyết
Đợt 1	250.000.000đ	17/01/2019	51 tháng	159.375.000
Đợt 2	200.000.000đ	27/01/2019	51 tháng	127.500.000
Đợt 3	50.000.000đ	22/12/2019	40 tháng	25.000.000
Đợt 4	100.000.000đ	04/01/2020	39 tháng	48.750.000
Đợt 5	28.000.000đ	24/02/2020	38 tháng	13.300.000

Đợt 6	25.900.000đ	11/04/2020	36 tháng	11.655.000
Đợt 7	200.000.000đ	21/06/2020	34 tháng	85.000.000
		Tổng cộng số tiền lãi do vay và mua bán phân bón: 470.580.000đồng <i>(bằng chữ: bốn trăm bảy mươi triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng)</i>		

Đối với khoản đóng huê (hụi) **38.900.000** lãi suất 20%/năm nguyên đơn tính từ ngày cuối cùng đến thu là ngày 30/5/2020, số tháng tính lãi là 35 tháng tròn = **22.691.666đồng** (hai mươi hai triệu sáu trăm chín mươi một ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Tổng tiền lãi suất các khoản là: 493.271.666 đồng (Bốn trăm chín mươi ba triệu hai trăm bảy mươi một ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Như vậy, tổng cộng cả tiền vay và mua bán phân bón và nợ hụi và lãi suất phát sinh: 1.386.071.666đồng

Trong đó, cụ thể nguyên đơn yêu cầu bà T trả cho nguyên đơn số tiền vay, tiền nợ hụi và tiền lãi suất phát sinh do vi phạm nghĩa vụ là **1.307.216.666đồng**

Yêu cầu bà T và ông H cùng liên đới trả cho nguyên đơn số tiền mua bán phân bón và lãi suất là **78.855.000đồng**.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các thủ tục hợp lệ nhưng bà T có đơn xin vắng mặt và có trình bày như sau:

Bà T có bản tự khai và Tòa án lấy lời khai thì bà T khai có cầm cái huê và ông N bà T có tham gia các dây huê như ông N, bà T khai. Nay ông N, bà T khởi kiện yêu cầu bà trả cho ông bà tiền nợ hụi (huê) thì bà đồng ý trả số tiền gốc mà ông N, bà T đã đóng thực tế của các dây huê nêu trên là 38.900.000đồng, bà không đồng ý trả lãi suất trên số tiền nợ huê.

Đối với tiền nợ vay:

Ngày 17/01/2019	250.000.000đ
Ngày 27/01/2019	200.000.000đ
Ngày 22/12/2019	50.000.000đ
Ngày 04/01/2020	100.000.000đ

Ngày 21/06/2020	200.000.000đ
Tổng cộng	800.000.000đồng

Đối với tiền mua bán phân bón

Ngày 24/02/2020	28.000.000đ
Ngày 11/04/2020	25.900.000đ
Tổng cộng	53.900.000đồng

Tất cả tiền nợ vay đều do một mình bà T vay, ông H không biết gì; còn đối với tiền nợ mua phân bón thì bà T mua về để chăm bón cho vườn trồng cây cà phê của gia đình. Tổng cộng tiền nợ mua bán phân bón và tiền vay nợ và nợ huê thì bà T đồng ý trả tất cả nợ gốc;

Đối với lãi suất thì bà T chỉ đồng ý trả lãi suất trên số tiền gốc vay theo quy định của pháp luật. Không đồng ý trả lãi suất trên số tiền nợ huê (hụi) bà nợ mua bán phân bón.

Trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa bị đơn, ông Đỗ Văn H khai: tất cả các khoản vay nợ và huê (hụi) và tiền nợ mua bán phân bón mà hiện nay ông N bà T khởi kiện ông và bà T thì ông không có vay mượn, không mua bán phân bón và không tham gia chơi huê (hụi) với ông N bà T. Ông không biết gì về số tiền mà ông N bà T khởi kiện nêu trên và khai gia đình ông có vườn trồng cà phê nhưng bà T mua bán phân bón để chăm bón cho cây cà phê ở đâu thì ông không biết nên ông không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của ông N bà T.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T vắng mặt nên không tiến hành được.

Tại phiên tòa: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ tổng cộng cả tiền vay và mua bán phân bón và nợ hụi và lãi suất phát sinh là **1.366.407.499đồng**; trong đó: nợ vay gốc 800.000.000đồng và yêu cầu lãi suất của tiền nợ vay 15%/01năm là 445.625.000đồng; nợ tiền hụi 38.900.000đồng và yêu cầu lãi suất của tiền nợ hụi 10%/01năm là 11.345.833đồng; nợ mua bán phân bón 53.900.000đồng và yêu cầu lãi suất của tiền nợ mua bán phân bón 10%/01năm là 16.636.666đồng.

Cụ thể, nguyên đơn yêu cầu bà T trả cho nguyên đơn số tiền vay, tiền nợ hụi và tiền lãi suất phát sinh do vi phạm nghĩa vụ là **1.295.870.833đồng**; yêu cầu bà T và ông H cùng liên đới trả cho nguyên đơn số tiền mua bán phân bón và lãi suất là **70.536.666đồng**; và nguyên đơn trình bày bổ sung về dây hụi do bà T làm cái và ông N, bà T có tham gia chơi hụi là hụi hưởng hoa H chứ không phải dây hụi áp cái.

Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Đ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Dương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phùng và Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 463, Điều 466, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T trả cho ông Nguyễn Hữu N, bà Lê Thị Thanh T tổng cộng cả tiền vay và nợ hụi và lãi suất phát sinh và nợ mua bán phân bón là 1.349.770.833đồng; trong đó, cụ thể buộc bà T trả cho nguyên đơn số tiền vay, tiền nợ hụi và tiền lãi suất phát sinh do vi phạm nghĩa vụ là 1.295.870.833đồng; buộc bà T và ông H cùng liên đới trả cho nguyên đơn số tiền mua bán phân bón là 53.900.000đồng; không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất đối với tiền nợ mua bán phân bón 16.636.666đồng. Bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T, ông Đỗ Văn H và nguyên đơn ông Nguyễn Hữu N, bà Lê Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của đương sự, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: xuất phát từ việc giữa ông Nguyễn Hữu N, bà Lê Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị Cẩm T, ông Đỗ Văn H có quan hệ vay mượn tiền, mua bán phân bón và tham gia chơi hụi với nhau. Trong quá trình vay mượn, mua bán phân bón và chơi hụi với nhau thì bà T, ông H còn nợ tiền vay và nợ tiền hụi và tiền mua bán phân bón. Vì vậy ông N, bà T khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tổng cộng cả tiền vay và mua bán phân bón và nợ hụi và lãi suất phát sinh là 1.386.071.666đồng; nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật

Tổ tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nợ hui và mua bán tài sản”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã NG, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: bị đơn, bà Nguyễn Thị Cẩm T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin vắng mặt nên cần căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu của đương sự.

Qua xem xét lời khai của đương sự, đối chiếu với tài liệu, chứng cứ do đương sự xuất trình, thấy rằng: chứng cứ do nguyên đơn xuất trình là giấy xác nhận nợ của bà T đối với N (Ti) các ngày 17/1/2019, 27/1/2019, 22/12/2019, 21/1/2020, 24/2/2020, 11/4/2020 (bản gốc); giấy ghi chép đóng hui (huê) của ông N (Ti), bà T đóng cho bà T (do bà T ghi xác nhận) các ngày 10/11/2019AL, 10/12/2019AL, 10/01/2020AL, 10/2/2020AL, 10/3/2020AL, 10/4/2020AL và 10/4(2)/2020AL (bản gốc); giấy ghi chép đóng hui (huê) của ông N (Ti), bà T đóng cho bà T (do bà T ghi xác nhận) các ngày 30/3/2020 Â Lịch, 30/4(1)/2020 Â Lịch, 30/4/2020(2) Â Lịch (bản gốc); giấy xác nhận nợ ngày 21/6/2020 AL của bà T (bản gốc); và có chữ viết xác nhận của bà Nguyễn Thị Cẩm T và bà T cũng thừa nhận có làm chủ cái nhiều dây hui và bà N, bà T có tham gia chơi hui với bà và hiện bà còn nợ ông N, bà T tiền hui như ông N, bà T khai và bà T cũng thừa nhận có vay tiền của ông N bà T nhiều lần tổng cộng là 800.000.000đồng và có nợ tiền mua bán phân bón 53.900.000đồng; ông H khai ông không biết gì về số tiền mà ông N bà T khởi kiện nêu trên và khai gia đình ông có vườn trồng cà phê nhưng bà T mua bán phân bón để chăm bón cho cây cà phê ở đâu thì ông không biết. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định việc ông N, bà T có tham gia chơi hui do bà T làm chủ cái hui và bà T còn nợ tiền hui bà ông N, bà T và bà T cũng có vay mượn tiền và mua bán phân bón của ông N là có xảy ra trên thực tế.

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt cho bà T nhưng bà T có đơn xin vắng mặt và có trình bày đồng ý trả tiền nợ hui (huê), nợ vay và nợ mua bán phân bón cho ông N, bà T; bà T đồng ý trả lãi suất đối với nợ vay theo quy định của pháp luật; bà T không đồng ý trả lãi suất đối với tiền nợ hui và tiền nợ mua bán phân bón.

[2.2] Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ông N, bà T kiện yêu cầu bị đơn trả tổng cộng cả tiền vay và mua bán phân bón và nợ hui và lãi suất phát sinh là 1.366.407.499đồng; trong đó, cụ thể yêu cầu bà T trả cho nguyên đơn số tiền vay, tiền nợ hui và tiền lãi suất phát sinh do vi phạm nghĩa vụ là

1.295.870.833đồng; yêu cầu bà T và ông H cùng liên đới trả cho nguyên đơn số tiền mua bán phân bón và lãi suất là 70.536.666đồng thì thấy rằng:

-Đối với tiền nợ vay 800.000.000đồng và tiền nợ hui 38.900.000đồng,

Đối với nợ tiền vay 800.000.000đồng và nợ hui 38.900.000đồng thì bị đơn bà T thừa nhận có nợ số tiền vay và nợ hui như yêu cầu của nguyên đơn và đồng ý trả nợ gốc cho nguyên đơn nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà T trả cho nguyên đơn tiền nợ vay 800.000.000đồng và tiền nợ hui 38.900.000đồng là phù hợp với quy định của pháp luật;

Đối với nợ mua bán phân bón, bị đơn bà T thừa nhận có mua bán phân bón với ông N, bà T và còn nợ lại tiền mua bán phân bón là 53.900.000đồng; còn H không thừa nhận việc mua bán phân bón, ông H khai không biết gì về số tiền mà ông N bà T khởi kiện về việc nợ mua bán phân bón nêu trên; và ông khai gia đình ông có vườn trồng cà phê nhưng bà T mua bán phân bón để chăm bón cho cây cà phê ở đâu thì ông không biết nên ông không đồng ý trả nợ mua bán phân bón cho ông N, bà T; xét thời điểm ngày 24/02/2020 và 11/4/2020 thì ông H và bà T là vợ chồng chung sống cùng nhau và gia đình ông bà có trồng cây cà phê và bà T khai mua phân bón về chăm bón cho vườn cà phê của gia đình và ông H khai gia đình có vườn trồng cây cà phê, mặc dù ông khai bà T mang phân bón đi chăm bón ở đâu ông không biết nhưng không có cơ sở chứng minh; theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì ông H và T cùng có trách nhiệm thực hiện việc trả nợ đối với số nợ mua bán phân bón nên cần buộc ông H cùng có trách nhiệm liên đới với bà T trả cho ông N, bà T số tiền nợ mua bán phân bón 53.900.000đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi suất:

Đối với lãi suất tiền vay, nguyên đơn yêu cầu 15%/năm, tính từ ngày vi phạm đến ngày xét xử, thành tiền lãi là 445.625.000đồng ($250.000.000đ \times 15\%/năm \times 51 \text{ tháng} + 200.000.000đ \times 15\%/năm \times 51 \text{ tháng} + 50.000.000đ \times 15\%/năm \times 40 \text{ tháng} + 100.000.000đ \times 15\%/năm \times 39 \text{ tháng} + 200.000.000đ \times 15\%/năm \times 34 \text{ tháng}$) và bị đơn bà T cũng đồng ý trả lãi suất đối với nợ vay theo quy định và lãi suất nguyên đơn yêu cầu phù hợp với Điều 468 BLDS 2015 nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà T trả tiền lãi suất nợ vay là 445.625.000đồng.

Đối với lãi suất của nợ hui, nguyên đơn yêu cầu 10%/năm, tính từ ngày đóng kỳ hui cuối (30/5/2020) đến ngày xét xử (24/4/2023), làm tròn 31 tháng ($38.900.000đ \times 10\%/năm \times 31 \text{ tháng}$) là 11.345.833đồng, phù hợp với Điều 21 Mục 2 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về

họ, hội, biểu, phường và Điều 468 BLDS 2015 nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà T trả tiền lãi suất nợ hội là 11.345.833đồng.

Đối với yêu tính lãi suất của nợ mua bán phân bón, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 10%/năm, thành tiền 16.636.666đồng, do việc mua bán phân bón giữa nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận lãi khi vi phạm nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu lãi suất của nợ mua bán phân bón.

Từ những nhận định và phân tích như trên, cần buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T phải trả cho ông Nguyễn Hữu N, bà Lê Thị Thanh T số tiền nợ vay gốc 800.000.000đồng, nợ hội (huê) 38.900.000đồng, lãi suất nợ vay 445.625.000đồng, lãi suất nợ hội 11.345.833đồng; tổng cộng 1.295.870.833đồng.

Buộc bà T, ông H cùng liên đới trả cho ông Nguyễn Hữu N, bà Lê Thị Thanh T số tiền nợ mua bán phân bón 53.900.000đồng.

[4] Về án phí:

Do chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ vay và lãi suất, nợ hội và lãi suất nên buộc bị đơn bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải trả cho nguyên đơn là $1.295.870.833\text{đồng} \times 5\% = 50.876.125\text{đồng}$; do chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ mua bán phân bón nên buộc bị đơn bà T, ông H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền nợ mua bán phân bón phải trả cho nguyên đơn là $53.900.000\text{đồng} \times 5\% = 2.695.000\text{đồng}$;

Do không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất nợ mua bán phân bón nên buộc nguyên đơn ông N, bà T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền lãi suất nợ mua bán phân bón không được chấp nhận yêu cầu là $16.636.666\text{đồng} \times 5\% = 831.833\text{đồng}$.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 430, Điều 440 và Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015

- Căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, Miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu N, bà Lê Thị Thanh T đối với bà Nguyễn Thị Cẩm T, ông Đỗ Văn H về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nợ hui và mua bán tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hữu N, bà Lê Thị Thanh T số tiền tổng cộng **1.295.870.833đồng** (*một tỷ hai trăm chín mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi ngàn tám trăm ba mươi ba đồng*), (trong đó: nợ vay gốc 800.000.000đồng, nợ hui (huê) 38.900.000đồng; lãi suất nợ vay 445.625.000đồng và lãi suất nợ hui 11.345.833đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T, ông Đỗ Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Hữu N, bà Lê Thị Thanh T số tiền nợ mua bán phân bón **53.900.000đồng** (*năm mươi ba triệu chín trăm ngàn đồng*).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Cẩm T, ông Đỗ Văn H trả lãi suất nợ mua bán phân bón **16.636.666đồng** (*mười sáu triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng*).

2. Về án phí: buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 50.876.125đồng (năm mươi triệu tám trăm bảy mươi sáu ngàn một trăm hai mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm; buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T, ông Đỗ Văn H phải liên đới chịu 2.695.000đồng (hai triệu sáu trăm chín mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Nguyễn Hữu N, bà Lê Thị Thanh T phải liên đới chịu 831.833đồng (tám trăm ba mươi một ngàn tám trăm ba mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu N, bà Lê Thị Thanh T 25.268.167đồng (hai mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008565 ngày 16/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp luật có quy định khác.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn và bị đơn ông Đỗ Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/4/2023); bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án N dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS N dân huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Vũ

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Hoàng

Nguyễn Huy Khoa

Lê Thị Thanh Vũ

